

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34 /2008/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 26/06/2003 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 1157/NQ-UBTVQH11 ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/TTLT-BTP-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính về hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 59/2003 ngày 23/06/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 60/2003/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND ngày 19/4/2008 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khoá XIII, kỳ họp thứ 13 từ ngày 17 đến ngày 19/4/2008 về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại tờ trình số 1666 /TTr STC-HCSN ngày 03/6/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố Hà Nội như sau:

1. Nội dung chế độ, định mức chi cụ thể thực hiện theo quy định tại phụ lục đính kèm. Các mức chi trong quy định này là tối đa. Tùy theo khả năng ngân sách, đơn vị được giao thực hiện các nội dung chi quyết định định mức cụ thể nhưng không được vượt quá định mức tối đa quy định.

2. Các nội dung chi không quy định tại khoản 1 điều này được thực hiện theo chế độ, định mức hiện hành của Nhà nước và Thành phố hoặc theo phê duyệt cụ thể của Thường trực HĐND.

3. Các khoản chi hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào thì được đưa vào dự toán của Hội đồng nhân dân cấp đó và được quyết toán với ngân sách cùng cấp.

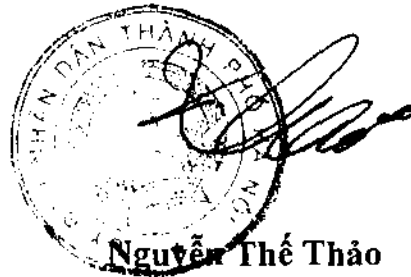
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND ngày 19/4/2008 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khoá XIII, kỳ họp thứ 13.

Điều 3. Chánh Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố; Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND các quận, huyện, xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính
- Thường trực Thành ủy
- Thường trực HĐND TP
- Đ/c Chủ tịch UBND TP
- Các đ/c PCT UBND TP
- Ban KT-NS HĐND TP
- Như Điều 3
- TT HĐND, UBND các quận, huyện
- V3, KT, TH, VX
- Lưu: VT *MĐK*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *LT*



Nguyễn Thế Thảo

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, ĐỊNH MỨC CHI TIÊU TÀI CHÍNH
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 34 /2008/QĐ-UBND ngày 16 /6 /2008 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: 1000 đồng

Nội dung chi của HĐND các cấp của Thành phố	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa của HĐND các cấp		
		Cấp Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã
I. Chi cho công tác thẩm tra nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật của HĐND				
1- Xây dựng các báo cáo thẩm tra: báo cáo, đề án, tờ trình dự thảo nghị quyết				
+ Nội dung có độ phức tạp cao, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực: cơ chế chính sách, quy hoạch, dự toán, quyết toán ngân sách, kinh tế xã hội	báo cáo	1.000	300	200
+ Các nội dung còn lại	báo cáo	500	200	50
2- Tổ chức các cuộc họp thẩm tra, góp ý báo cáo thẩm tra				
+ Bồi dưỡng đại biểu dự họp		50	30	20
+ Cán bộ phục vụ		20	20	10
3- Chi cho chuyên gia viết bài tham luận, góp ý phục vụ công tác thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết (bằng văn bản)				
+ Nội dung có độ phức tạp cao, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực: cơ chế chính sách, quy hoạch, dự toán, quyết toán ngân sách, kinh tế xã hội	người/văn bản góp ý	200	100	50
+ Các nội dung còn lại	người/văn bản góp ý	100	50	20
4- Chi cho việc tổng hợp, tập hợp ý kiến thảo luận của các tổ đại biểu HĐND tại các Kỳ họp HĐND	văn bản	200	100	50
5- Chi cho công việc theo dõi, tập hợp, tổng hợp và phân loại ý kiến kết luận tại các kỳ họp HĐND	văn bản	300	200	100
II. Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật, đề án, kế hoạch, dự thảo Nghị quyết HĐND (đối với nội dung cần xin ý kiến do Thường trực HĐND quyết định)				
1- Chi cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu góp ý bằng văn bản				
- Dự án luật mới				
+ Chi cho tổ chức	dự án	2.000		
+ Chi cho cá nhân	dự án	300		
- Dự án luật sửa đổi, bổ sung				
+ Chi cho tổ chức	dự án	1.000		

Nội dung chi của HĐND các cấp của Thành phố	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa của HĐND các cấp		
		Cấp Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã
+ Chi cho cá nhân	dự án	200		
- Xin ý kiến về đề án, kế hoạch, dự thảo nghị quyết của HĐND				
+ Chi cho tổ chức	văn bản	1.000		
+ Chi cho cá nhân	văn bản	200		
2- Tổ chức họp góp ý				
+ Viết bài tham luận	bài	200	100	50
+ Bồi dưỡng đại biểu dự họp	người/buổi	50	30	20
+ Cán bộ phục vụ	người/buổi	20	20	10
3- Viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật; góp ý đề án, kế hoạch, dự thảo Nghị quyết của HĐND	báo cáo	200	100	50
III. Chi cho công tác giám sát				
1- Đoàn giám sát của các Ban của HĐND và các Tổ đại biểu				
+ Thành viên đoàn giám sát, khách mời	người/ngày	50	50	30
+ Chi Cán bộ phục vụ khác	người/ngày	30	20	10
+ Chi bồi dưỡng cho việc xây dựng nội dung, báo cáo, thông báo kết quả giám sát	văn bản/cả đợt giám	300	100	50
2- Đoàn giám sát của Thường trực HĐND				
a) Chi xây dựng các văn bản				
+ Xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát, kế hoạch giám sát, xây dựng nội dung giám sát	văn bản/đợt giám sát	200	50	
+ Xây dựng báo cáo tổng hợp, thông báo kết quả giám sát	văn bản/đợt giám sát	400	100	50
b) Chi tổ chức cuộc họp				
+ Bồi dưỡng đại biểu dự họp	người/buổi	50	30	20
+ Cán bộ phục vụ	người/buổi	20	20	10
c) Mức chi cho các đoàn khảo sát				
+ Bồi dưỡng đại biểu dự họp		30	20	10
+ Bồi dưỡng cán bộ phục vụ		20	10	10
IV. Chi tiếp xúc cử tri				
1- Tiếp xúc cử tri của HĐND các cấp				
- Chi hỗ trợ các đơn vị không được cấp ngân sách để tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND	cuộc tiếp xúc	2.000	1.000	200
- Chi bồi dưỡng				
+ Đại biểu HĐND, khách mời	người/buổi	50	30	20
+ Cán bộ phục vụ	người/buổi	20	20	10
- Viết báo cáo tổng hợp chung các kiến nghị của cử tri với kỳ họp HĐND các cấp	báo cáo	300	200	100
2- Chi tiếp xúc cử tri theo chuyên đề của HĐND				

Nội dung chi của HĐND các cấp của Thành phố	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa của HĐND các cấp		
		Cấp Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã
+ Hỗ trợ thuê địa điểm, trang trí, trang âm, nước uống, trông xe, bảo vệ...	cuộc	3.000	1.000	200
+ Chi bồi dưỡng đại biểu HĐND, đại biểu dự tiếp xúc cử tri, khách mời	người/ buổi	50	50	20
+ Cán bộ phục vụ	người/ buổi	20	10	10
+ Viết báo cáo tổng hợp	báo cáo	200	100	50
V. Chi tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân				
- Đại biểu HĐND, đại diện lãnh đạo cơ quan liên quan được phân công tiếp công dân được chi bồi dưỡng	người/buổi	50	30	20
- Bồi dưỡng cán bộ, công chức trực tiếp phục vụ đại biểu HĐND tiếp công dân	người/buổi	30	20	10
- Cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp đại biểu HĐND tiếp công dân	người/buổi	20	10	10
VI. Chi cho công tác xã hội				
Chế độ thăm hỏi ốm đau, thăm viếng và trợ cấp khó khăn đột xuất				
- Đại biểu HĐND đương nhiệm khi bị ốm đau được chi tiền thăm hỏi				
+ Ốm	lần	200	200	100
+ Ốm nặng phải nằm viện	lần	300	300	200
+ Bệnh hiểm nghèo	lần	1.000	1.000	500
- Đại biểu HĐND đương nhiệm có cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con chết được trợ cấp	lần	500	500	300
- Chi thăm hỏi ốm đau, thăm viếng các vị nguyên là Thường trực HĐND, Trưởng, Phó Ban chuyên trách các Ban của HĐND các	lần	200	150	100
- Đại biểu HĐND đương nhiệm từ trần được đài thọ mai táng phí và gia đình được trợ cấp	lần	500	500	300
VII. Chi phục vụ các kỳ họp HĐND				
1- Chế độ đối với đại biểu HĐND dự kỳ họp				
a) Chế độ chi bồi dưỡng đại biểu HĐND (Không có chế độ ăn, nghỉ)	người/ ngày	70	50	30
b) Chế độ phụ cấp làm việc trong ngày nghỉ, ngày lễ	người/ ngày	150	100	50
2- Chế độ đối với khách mời	người/ ngày	50	30	20
3- Chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, nhân viên phục vụ kỳ họp HĐND				
+ Cán bộ phục vụ trực tiếp	người/ ngày	50	40	30
+ Cán bộ phục vụ gián tiếp	người/ ngày	20	20	10
4- Truyền hình trực tiếp (chỉ áp dụng với cấp thành phố)	theo hợp đồng			

Nội dung chi của HĐND các cấp của Thành phố	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa của HĐND các cấp		
		Cấp Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã
VIII. Một số chế độ chi khác				
1- Chế độ chi hỗ trợ đối với đại biểu HĐND				
Hỗ trợ tiền may trang phục (lễ phục) (2 bộ/nhiệm kỳ và chi được hưởng ở 1 cấp)	bộ	2.000	1.500	1.000
2- Chế độ chi tổ chức các hội nghị của Thường trực và các Ban				
+ Đại biểu, khách mời	người/ngày	50	50	20
+ Cán bộ phục vụ	người/ngày	20	20	10
3- Phụ cấp trách nhiệm công việc đối với chức danh không chuyên trách (chỉ được hưởng mức cao nhất trong trường hợp được nhận nhiều chức danh với mỗi cấp HĐND)				
+ Chủ tịch HĐND		0,6	0,4	0,3
+ Phó Chủ tịch HĐND		0,5	0,3	0,2
+ Ủy viên Thường trực		0,4	0,2	
+ Trưởng ban		0,4	0,3	
+ Phó ban		0,3	0,2	
+ Tổ trưởng tổ đại biểu		0,3	0,2	0,1
4- Chế độ cho cộng tác viên				
+ Cộng tác viên thường xuyên	theo hợp đồng	Do thường trực HĐND quyết định		
+ Cộng tác viên theo từng chuyên đề (theo chức danh học hàm, học vị)	chuyên đề	300-500	100-300	
5- Chế độ trang bị, sử dụng điện thoại di động, điện thoại công vụ tại nhà riêng		Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố hoặc được Thường trực HĐND duyệt cụ thể		
6- Chế độ khoán kinh phí sử dụng xe ô tô				
7- Chi tiếp khách trong nước				
8- Các chế độ chi khác				